

Bản án số: **134/2019/HSST**
Ngày 27 - 11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà – Bà Phạm Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2019/HSST, ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Phạm Văn H** - sinh ngày 09 tháng 8 năm 1984 tại xã DH, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú: xóm 6, xã DH, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị H(chết); vợ Lương Thị H và 1 con; tiền sự: không; tiền án: Ngày 06/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/4/2016(chưa chấp hành 200.000 đồng tiền án phí); Tạm giữ, tạm giam: 11/8/2019 cho đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo **Trần Văn T** - sinh ngày 17 tháng 8 năm 1993 tại xã Đ, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: xóm ĐP, xã Đ, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị D; vợ con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 15/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 18 tháng. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 cho đến nay. Có mặt.

3. Bị cáo **Bùi Xuân C** - sinh ngày 07 tháng 9 năm 1985 tại xã K, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú: thôn 4, xã K, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân M và bà Lê Thị T; vợ Hoàng Hà Đ (đã ly hôn) và 3 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 11/3/2019 bị Công an huyện D xử phạt 350.000 đồng về hành vi

đánh bạc; nhân thân: ngày 24/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tạm giữ, tạm giam: 21/8/2019 cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Cao Thị N - sinh năm 1964
Trú tại: xóm 3, xã H, huyện D, tỉnh N.
2. Anh Trương Sỹ H - sinh năm 1962
Trú tại: xóm 3B, xã K, huyện D, tỉnh N.
3. Anh Trần Văn C - sinh năm 1960
Trú tại: xóm 3, xã P, huyện Y, tỉnh N.
4. Anh Phan Văn Q - sinh năm 1987
Trú tại: xóm 15, xã P, huyện Y, tỉnh N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Văn Đ - sinh năm 1980
Trú tại: xóm Q, xã B, huyện D, tỉnh N.
2. Anh Phạm Xuân Đ - sinh năm 1987
Trú tại: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh N.
3. Anh Đặng Văn T - sinh năm 1987
Trú tại: xóm 5, xã N, huyện D, tỉnh N.
4. Anh Nguyễn Duy C - sinh năm 1970
Trú tại: xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh N.

(Chị N: có mặt; bị hại và người liên quan còn lại: vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 05/7/2019 đến ngày 11/8/2019, Phạm Văn H đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản là xe máy trên địa bàn huyện D và địa bàn huyện Y. Trong 04 vụ trộm cắp tài sản thì H thực hiện 01 vụ cùng với Bùi Xuân C và 02 vụ cùng với Trần Văn T; Cụ thể từng vụ án mà Phạm Văn H đã một mình thực hiện và H thực hiện cùng với đồng phạm như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 05/7/2019, Phạm Văn H đi bộ từ nhà mình ở xóm 6 xã H, huyện D theo đường liên xã đến xã N, huyện D mục đích tìm tài sản lấy trộm để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi H đi đến khu vực gần cầu Đ thuộc xã H, huyện D, thì phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE ALPHA màu xanh, biển kiểm soát 37K8-7655 của chị Cao Thị N, trú tại xóm 3 xã H, huyện D đang dựng bên lề đường (cách cổng chào xã H khoảng 30 mét), chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Lợi dụng lúc chị N không để ý, Phạm Văn H đã ngồi lên xe, mở khóa khởi động rồi điều khiển chiếc xe nói trên chạy theo hướng về xã B, huyện D. Khi đến khu vực xóm Q, xã B, huyện D, H dừng xe lại rồi vào ki ốt kinh doanh phế liệu của anh Phan Văn Đ, trú tại xóm Q, xã D bán chiếc xe vừa mới trộm cắp với giá 500.000

đồng mua ma túy sử dụng hết (lúc mua xe anh Đ không biết nguồn gốc chiếc xe là do Phạm Văn H trộm cắp được mà có).

Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE ALPHA, màu xanh, biển kiểm soát 37K8-7655 nêu trên có giá trị là: 7.500.000 đồng;

- Vụ thứ hai: khoảng 01 giờ sáng ngày 03/8/2019, Phạm Văn H cùng Bùi Xuân C rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. H cùng với C đi bộ từ nhà C đến khu vực xóm 3B, xã K, huyện D thì phát hiện thấy trong sân nhà bà Ngô Thị B có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERSX KVRV màu xanh - đen, biển kiểm soát 37P9-5916 của ông Trương Sỹ H (con trai bà B), chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe nên H và C nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên. Lúc này, C đứng ở phía ngoài cánh giới còn H đi vào phía trong sân lấy xe ra. C khởi động xe, rồi điều khiển chiếc xe vừa mới trộm cắp được chở H bỏ chạy theo đường quốc lộ 1A hướng đi thị trấn D. Khi đến khu vực cầu N thì cả hai xuống gầm cầu ngủ lại. Đến khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, C tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô trên, chở H đi theo hướng quốc lộ 7A đi lên huyện Y để tiếp tục tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến khu vực ngã tư xã Hợp Thành, C và H gặp Trần Văn T, sinh năm 1992 trú tại xóm P, xã Đ, huyện Y. Sau khi nói chuyện làm quen xong thì cả ba cùng rủ nhau mua ma túy về sử dụng. Sau đó C tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô trên chở H và T về nhà ở của T ở xóm P, xã Đ chơi. Tại đây, C và H đã tháo biển số và tháo hai yếm của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37P9-5916 rồi cất dấu trong phòng ngủ của T để tránh bị phát hiện (T không biết nguồn gốc chiếc xe trên là do H và C trộm cắp mà có). Sau đó, C và H ngồi chơi ở nhà T khoảng 30 phút thì ra về. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, H nói với C chở H lên nhà T để tìm người bán xe. C điều khiển chiếc xe mô tô BKS 37P9-5916 chở H đến nhà ở của T. Tại đây, C đã giao lại chiếc xe mô tô này cho H rồi đi về nhà mình. H cất chiếc xe mô tô trên trong nhà T rồi ngủ lại ở đó. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 04/8/2019, do H lên cơn nghiện ma túy nên T đã đưa chiếc xe trên đến nhà ở của anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 1987 trú tại xóm P, xã Đ rồi mượn của anh Đ số tiền 1.000.000 đồng và bỏ lại chiếc xe ở nhà anh Đ để làm tin (anh Đ không biết nguồn gốc chiếc xe do phạm tội mà có), số tiền 1.000.000 đồng H và T đã sử dụng để mua ma túy hết.

Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WEVERSX KVRV màu xanh - đen, biển kiểm soát 37P9-5916 nói trên có giá là 8.700.000 đồng.

- Vụ thứ ba: khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08/8/2019, T cùng với Phạm Văn H rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi có ý định như vậy, T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, màu vàng đen, BKS 38K1-002.04 (xe mượn của chị Hoàng Thị D mẹ T) chở theo sau Phạm Văn H đi từ nhà ở của T đến địa phận xã P, huyện Y. Khi đi qua nhà anh Trần Văn C, sinh năm 1960 trú tại xóm 3, xã P thì T phát hiện thấy trong sân nhà anh Cầu có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ALPHA màu đen, biển kiểm soát 37P7-6756, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe. Lúc này T chở H đi vào phía trong sân nhà của anh C, lợi dụng sơ hở, T khởi động và điều khiển chiếc xe này chạy theo đường liên xã đến

xã N, huyện D, còn H điều khiển chiếc xe mô tô của T chạy theo phía sau. Sau đó, T và H tiếp tục điều khiển xe BKS 37P7-6756 đi đến nhà ở của anh Đặng Văn T, sinh năm 1987, trú tại xóm 5, xã N, huyện D. Tại đây, T nói với anh T là cho T gửi lại chiếc xe và cho T mượn 1.000.000 đồng. T thấy xe có giấy tờ nên đồng ý. Số tiền này T và H đã mua ma túy sử dụng hết.

Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ANPHA màu đen, BKS 37P7-6756, có giá trị là 8.400.000 đồng.

- Vụ thứ tư: khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11/8/2019 sau khi hết tiền mua ma túy sử dụng, Trần Văn T và Phạm Văn H lại tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô chở H đi từ nhà T đến xã P, huyện Y. Khi đi đến khu vực nhà ở của anh Nguyễn Văn N ở xóm 14, xã P, huyện Y thì T phát hiện thấy trong sân nhà anh N có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu xanh – trắng, biển kiểm soát 37P1-126.89 (xe của anh Phan Văn Q trú tại xóm 15, xã P), chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe nên T và H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. T đi vào phía trong sân, đến vị trí chiếc xe mô tô đang dựng rồi đẩy chiếc xe ra khỏi cổng nhà anh N; T ngồi lên xe khởi động và điều khiển xe bỏ chạy về hướng xã N, huyện D, còn Phạm Văn H điều khiển xe của T chạy phía sau. T và H tiếp tục đi đến nhà anh Đặng Văn T, ở xóm 5, xã N, huyện D với mục đích để bán chiếc xe vừa trộm cắp được cho anh T nhưng do xe không có giấy tờ nên anh Đặng Văn T không mua. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, lúc Phạm Văn H đang điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37P1-126.89 đi tìm người để bán thì bị tổ công tác công an huyện Y phát hiện, bắt quả tang.

Hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Xe EXITER, màu xanh trắng nói trên có giá là: 25.500.000 đồng.

Tổng giá trị của 04 chiếc xe máy nêu trên trị giá là: 50.100.000 đồng (Năm mươi triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 138/VKS-HS ngày 14/11/2019 của VKSND huyện Yên Thành đã truy tố Phạm Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 BLHS; Trần Văn T và Bùi Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo: Phạm Văn H từ 24-30 tháng tù; Trần Văn T 9-12 tháng tù; Bùi Xuân C 6-9 tháng tù.

Các bị cáo không có tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo H đã có 4 hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị là 50.100.000 đồng; bị cáo T thực hiện 2 hành vi trộm cắp tài sản, tổng giá trị là 33.900.000 đồng; bị cáo C thực hiện 1 hành vi trộm cắp tài sản, giá trị là 8.700.000 đồng; Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 BLHS; bị cáo Trần Văn T và Bùi Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng cho người dân. Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Vì thế, cần phải xử lý nghiêm minh bằng biện pháp hình sự để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H có tình tiết tăng nặng là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo T có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 3 bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra, bị cáo H còn có tình tiết giảm nhẹ có bố là thương binh hạng 4/4. Do đó, cần cân đối để lên cho mỗi bị cáo một mức án đủ nghiêm, phù hợp với hành vi phạm tội và nhân thân của mỗi bị cáo, nhất thiết phải cách ly cả 3 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng nhằm để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra phải áp dụng khoản 5 điều 173 BLHS phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo, nhưng xét các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp hay thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nghĩ nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về dân sự: Người bị hại là anh Phan Văn Q, anh Trương Sỹ H đã nhận lại tài sản bị mất; không yêu cầu gì nữa nên miễn xét.

Quá trình điều tra chị Cao Thị N yêu cầu bị cáo Phạm Văn H bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe máy là 7.500.000 đồng, nhưng tại phiên tòa chị N tự nguyện không yêu cầu H phải bồi thường nữa nên miễn xét.

Đối với anh Trần Văn C yêu cầu 2 bị cáo H và T phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe máy là 8.400.000 đồng, xét yêu cầu của anh C là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ: điểm c khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g, h khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Phạm Văn H 28**(hai mươi tám) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 11/8/2019.

[2] Căn cứ: Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xử phạt: **Trần Văn T 15**(mười lăm) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 15/8/2019.

[3] Căn cứ: Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Xử phạt: **Bùi Xuân C 9**(chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 21/8/2019.

[4] Về Dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS; điều 584, 589 BLDS.

Buộc Phạm Văn H, Trần Văn T mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Văn C số tiền **4.200.000** đồng(cả 2 bị cáo là 8.400.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn T, Bùi Xuân C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Riêng Phạm Văn H, Trần Văn T mỗi bị cáo còn phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Công an YT
- Viện kiểm sát YT
- Viện kiểm sát Tỉnh
- Sở tư pháp NA
- Tòa án Tỉnh
- THA hình sự;
- THA Dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

Phạm Văn Giang